

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC AN VIỆT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC AN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN VIET INVESTMENT CONSTRUCTION AND DESIGN ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0106929063

3. Ngày thành lập: 07/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14A, ngách 44, ngõ 158 Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972208383

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
2.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
3.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
4.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Trồng lúa	0111
8.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
9.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
10.	Trồng cây mía	0114
11.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
12.	Trồng cây lấy sợi	0116
13.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
14.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
15.	Trồng cây ăn quả	0121
16.	Trồng cây điều	0123
17.	Trồng cây hồ tiêu	0124
18.	Trồng cây cao su	0125
19.	Trồng cây cà phê	0126
20.	Trồng cây chè	0127
21.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128

22.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
23.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
24.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
25.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
26.	Chăn nuôi lợn	0145
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
29.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
31.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
33.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
34.	Khai thác thủy sản biển	0311
35.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
36.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
37.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	In ấn	1811
40.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa	5229
45.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
46.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
47.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
49.	Bán buôn tổng hợp	4690
50.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
51.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
52.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
56.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
58.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
59.	Xây dựng nhà các loại	4100
60.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
61.	Xây dựng công trình công ích	4220
62.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
63.	Phá dỡ	4311
64.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
66.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
67.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
68.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
69.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
70.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
71.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
74.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
75.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
77.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
78.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
79.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình Thiết kế xây dựng công trình giao thông Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp Thiết kế cấp – thoát nước công trình xây dựng Thiết kế hệ thống điện điều khiển, điện tự động hóa công trình dân dụng, công nghiệp Thiết kế công trình thủy lợi Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy Thiết kế đường dây và trạm biến áp 35KV – 500KV Thiết kế hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng Lập quy hoạch di tích. Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích. Thi công tu bổ di tích. Giám sát thi công tu bổ di tích Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điều khiển tự động hóa công trình dân dụng Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông, đường bộ Giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, HTKT (cấp thoát nước) Giám sát xây dựng công trình thủy lợi Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất công trình Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Tư vấn Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) Kiểm tra và chứng nhận đủ điều kiện về đảm bảo an toàn chịu lực Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng Xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông	7110(Chính)

	Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu Tư vấn lập dự án công trình xây dựng Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2 (trừ các dự án quan trọng quốc gia): - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; - Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.	
80.	Quảng cáo	7310
81.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
82.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
83.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
84.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
85.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
86.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
87.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
88.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

6. Vốn điều lệ: 3.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĂN HÒA	Thôn An Cư, Xã Trầm Lộng, Huyện ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	57,14	112399643	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	57,14		
2	TRẦN THỊ BÍCH THUY	Thôn Chanh Trung, Xã Liêm Sơn, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	28,57	168345980	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	28,57		
3	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	Thôn An Cư, Xã Trầm Lộng, Huyện ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	14,29	112399650	
			Tổng số	50.000	500.000.000	14,29		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: TRẦN THỊ BÍCH THUY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Ngày sinh: 06/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 168345980

Ngày cấp: 23/12/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Chanh Trung, Xã Liêm Sơn, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 57b, ngách 101/254, ngõ 254, đường Minh Khai, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội